

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2018

V/v: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng.
2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Từ Quốc Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2018 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị L, sinh năm 1980;

Hiện trú tại: xã D, huyện D1, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phùng Bá H, sinh năm: 1976;

Hộ khẩu thường trú: Khố B, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An.

Hiện trú tại: Tổ dân phố T, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Chu Thị L trình bày: Chị L và anh H tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 23/7/2009 tại UBND xã Ng, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng làm nghề cắt tóc tại phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2010 bắt đầu phát

sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H uống rượu, đánh bạc đi qua đêm nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, có khi anh H còn đánh chị L và đập phá đồ đạc trong nhà. Anh H hay ghen tuông nên vợ chồng không có sự tin tưởng nhau. Chị L không thể chịu đựng cuộc sống hôn nhân với anh H nữa nên đã về quê tại tỉnh Nghệ An để sinh sống từ tháng 4/2012 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không liên lạc với nhau. Nay chị L nhận thấy tình cảm không còn, thời gian ly thân đã lâu nên chị L yêu cầu ly hôn với anh H để giải thoát cho nhau. Về con chung, chị L và anh H không có con chung. Về tài sản và công nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Phùng Bá H đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, biết được yêu cầu ly hôn của chị L và Tòa án cũng đã triệu tập anh H nhiều lần đến giải quyết vụ án nhưng anh H vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Về nội dung vụ án, chị L và anh Hải tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật từ năm 2009. Quá trình chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay; xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị L được ly hôn với anh Hải. Về con chung: không có. Về tài sản chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với bị đơn cố tình trốn tránh trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các bên đương sự tại phiên tòa.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phùng Bá H đã nhận thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên không thể hoà giải đoàn tụ được theo quy định tại

Điều 205, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, anh H vắng mặt lần thứ hai, việc cố tình vắng mặt của anh H là tự mình đã từ bỏ quyền được pháp luật bảo vệ và phải chịu hậu quả pháp lý của việc giải quyết vắng mặt; Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các bên đương sự tại phiên tòa.

- Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân*: Chị L và anh H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/7/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Ng, thị xã C, tỉnh Nghệ An, trên cơ sở tự nguyện có thời gian tìm hiểu. Quá trình chung sống hai bên sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng kéo dài. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L và anh H tính tình không hợp nhau, không tin tưởng nhau, bất đồng ý kiến, thường xuyên xảy ra cãi vã với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012, chị L về tỉnh Nghệ An sinh sống từ đó cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị L xác định không còn tình cảm nên kiên quyết xin ly hôn, còn anh Hải mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án không thể tiến hành hoà giải đoàn tụ cho hai vợ chồng được. Xét yêu cầu ly hôn của chị L thì thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hoà giải, hai bên không còn mục đích xây dựng hạnh phúc chung, thời gian ly thân đã quá lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L để tạo điều kiện cho mỗi người có một cuộc sống khác phù hợp hơn quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Quá trình chung sống, chị L và anh H không có con chung.

[3] *Về tài sản và công nợ chung*: Chị L không yêu cầu giải quyết, còn anh H không có ý kiến nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí ly hôn sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 205, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chu Thị L.

- *Về hôn nhân:* Cho chị Chu Thị L được ly hôn với anh Phùng Bá H.

- *Về con chung:* Chị L và anh H không có con chung nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ chung:* Chị L không yêu cầu còn anh H không có ý kiến nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Chu Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001915 ngày 26/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Nghệ An.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx C, tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Ng, thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

HOÀNG MINH CHÚC